TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **TP. ĐÀ NẴNG** *Số: 294/2020/QĐST-HNGĐ*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - hạnh phúc** *Hải Châu, ngày 17 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 279/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Trần Hữu T**; Sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 12B, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Trần Thị Cẩm L**; Sinh năm 1974; Địa chỉ: 58 P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm L và ông Trần Hữu T tự nguyện kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng (theo giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 14 tháng 10 năm 1999), hôn nhân tự nguyện là hợp pháp, các bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Cẩm L và ông Trần Hữu T xác định có 02 con chung là Trần Hữu B, sinh ngày 05/5/2000 và Trần Thị Cẩm D, sinh ngày

30/7/2001. Các con chung đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Cẩm L và ông Trần Hữu T không có tài sản chung và nợ chung.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Cẩm L và ông Trần Hữu T phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận bà Trần Thị Cẩm L và ông Trần Hữu T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Bà Trần Thị Cẩm L và ông Trần Hữu T xác định có 02 con chung là Trần Hữu B, sinh ngày 05/5/2000 và Trần Thị Cẩm D, sinh ngày 30/7/2001. Các con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ly hôn, các bên vẫn có đầy đủ mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Ngô Trần Thị Cẩm L và ông Trần Hữu T không có tài sản chung và nợ chung.

2. Về lệ phí tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Trần Thị Cẩm L và ông Trần Hữu T chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005112 ngày 27.11.2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (bà Trần Thị Cẩm L và ông Trần Hữu T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu;*
- *UBND phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng (theo giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 14.11.1999);*
- *Lưu hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Thảo